TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2019/HS-PT
Ngày 29 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Võ Văn Khoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 746/2018/HSPT-TL ngày 20 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Hoàng Cát T, Lưu So Q do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Cát T, Lưu So Q và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo Hoàng Cát T, Lưu So Q; bị cáo Nguyễn Văn H và Lê Trần Tuấn K do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H và Lê Trần Tuấn K đối với bản án hình sự sơ thẩm số 405/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Hoàng Cát T;** giới tính: nam; sinh năm 1963 tại Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký thường trú: 148 đường P, Phường 3, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/10; nghề nghiệp: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày bị cáo là Giám đốc Công ty H1; nơi cư trú: Nhà không số, hẻm 82 đường N, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Hoàng Tư T1(chết) và bà Hoàng Thị Ngọc B1 (chết); hoàn cảnh gia đình: vợ tên Nguyễn Thị Thiên N1, có 1 con sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 07/6/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 1 năm tù về tội "Mua bán trái phép hóa đơn", bị cáo kháng cáo. Ngày 28/9/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xét xử lại vụ án, tuyên sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 1 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 năm tính từ ngày tuyên án (Bút lục1232).

Bắt, tạm giam: 27/11/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lưu So Q**; (tên gọi khác: Lưu Sơ Q)**;** giới tính: nam; sinh ngày 06/11/1966 tại tỉnh Sóc Trăng (Bút lục 1018); nơi đăng ký thường trú: 249 P Street, Australia; nơi cư trú trước khi bị bắt: 182/12A đường T2, phường P3, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Australia; dân tộc: Z; tôn giáo: không; con ông Lưu Bá V (chết) và bà Huỳnh Thị N2; hòan cảnh gia đình: vợ thứ nhất đã ly hôn tên Huỳnh Thị So K1, vợ thứ hai tên Võ Việt V1, có 2 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1990;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giam: 25/5/2017**;**

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; tên gọi khác: H ba ke**;** giới tính: nam; sinh năm 1963 tại Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký thường trú: 156/50/7/3 đường Số 1, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú trước khi bị bắt: 71/34/14 đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn V2 (chết) và bà Nguyễn Thị Minh T4 (chết); hòan cảnh gia đình: vợ thứ nhất đã ly hôn tên Lê Thị Linh N3, vợ thứ hai tên Võ Thị Trúc L1, có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 30/7/1994, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 6 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án (Bút lục1349);

- Ngày 19/6/1995, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 năm tính từ ngày tuyên án (Bút lục 1351);

- Ngày 17/4/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân"; bị cáo kháng cáo; ngày 11/3/1998, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại, tuyên y án sơ thẩm;

- Ngày 07/9/2006, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Bắt, tạm giam: 27/11/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4.Họ và tên: **Lê Trần Tuấn K**; giới tính: nam; sinh năm 1973 tại tỉnh Kon Tum; nơi đăng ký thường trú: 225 đường P4, Phường 7, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú trước khi bị bắt: 49/2 đường N4, phường T5, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông L2(chết) và bà T6 (chết); hoàn cảnh gia đình: vợ tên B2 (đã ly hôn), có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; sống chung với bà N5 (sinh năm 1993, cư trú tại Ấp 2A, xã T7, huyện D, tỉnh Bến Tre) và có 1 con chung với bà N5 là trẻ Nguyễn Ngọc T8 (sinh năm 2016) (Bút lục 1498).

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giam: 23/5/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

(Vụ án còn có bị cáo Lưu Bá N6 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị).

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Bảo S; luật sư thuộc văn phòng luật sư Bảo S; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Q: Ông Nguyễn Minh H3; luật sư thuộc văn phòng luật sư H4; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo H, K:*Ông Nguyễn X C, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 23/3/2016, tại Bưu cục ngoại dịch - X tâm khai thác vận chuyển Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh, Đội kiểm soát Phòng chống

ma túy (thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh) và Bưu cục ngoại dịch - X tâm khai thác vận chuyển Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh cùng với Cơ quan cảnh sát điều tra của Bộ Công an tiến hành kiểm tra 3 kiện hàng gửi đi Úc thì phát hiện trong vách thùng carton của 3 kiện hàng có 12 gói nylon, bên trong 12 gói nylon có chứa chất bột màu trắng. Các kiện hàng vừa nêu có thông tin: người gửi là Nguyễn Văn H5, địa chỉ cư trú tại 15A đường D1, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh; người nhận là L5, L6, L7 (đều có địa chỉ ở Australia). Cơ quan chức năng đã lập biên bản thu giữ vật chứng và thu thập các dấu vết đường vân lưu lại trên các thùng hàng đã nêu.

Theo Kết luận giám định số 1147/C54B ngày 23/3/2016, Kết luận giám định số 1154/C54B ngày 31/3/2016 và Kết luận giám định số 4017/C54B ngày 01/02/2018 của Phân viện kZ học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định được như sau: Chất bột màu trắng trong 12 gói nylon đã nêu là ma túy ở thể rắn, loại heroine, có tổng khối lượng là 1.379,3507g (Bút lục 57, 63, 126).

Tại bản kết luận giám định số 1154/1-C54B ngày 06/4/2016 và Kết luận giám định số 1289/C54B ngày 07/4/2016 của Phân viện kZ học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 06 dấu vết đường vân thu được trên 3 thùng carton đã nêu với dấu vân tay ngón trỏ trái và ngón trỏ phải trên bản sao tờ khai Chứng minh nhân dân số 022695284 của Lê Trần Tuấn K, có hộ khẩu thường trú 225 đường P4, Phường 7, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh là do vân tay của cùng một người in ra (Bút lục 64, 68, 70, 74, 75, 77, 78, 80, 121, 122).

Ngày 06/4/2016, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an ra Quyết định khởi tố vụ án "Vận chuyển trái phép chất ma túy" xảy ra tại Bưu cục ngoại dịch - X tâm khai thác vận chuyển Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/3/2016. Đến ngày 03/8/2016, thời hạn điều tra đã hết nhưng chưa xác định được bị can nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án vừa nêu.

Ngày 12/12/2016**,** Văn phòng liên lạc Cảnh sát liên bang Úc (AFP) tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi văn bản số 190/2016 AFP-HCMC cho C47B, Bộ Công an Việt Nam thông báo rằng có một lô hàng đèn Led nhập khẩu vào Sydney từ Việt Nam đã bị cơ quan chức năng Úc bắt giữ vì phát hiện có 1,4kg heroine cất giấu bên trong ngăn chứa pin của 14 đèn led (kèm theo văn bản là các bản ảnh liên quan đến lô hàng)(Bút lục162). Thông tin về lô hàng như sau: vận đơn mang ký hiệu GE122771423WW, người gửi là Nguyễn Tuấn V3(NGUYEN TUAN V3), cư trú tại 778/38 đường N7, Phường 4, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh; người nhận là M, cư trú tại 9/103 đường L3, Cabramatta, Úc.

Theo kết quả điều tra xác định được: Vào ngày 05/12/2016, có một người hành nghề xe ôm không rõ lai lịch lấy tên Nguyễn Văn H mang lô hàng đèn led đã nêu đến Công ty S1 làm thủ tục chuyển sang Úc. Trong cùng ngày, Công ty S1 làm thủ tục chuyển lô hàng này cho Công ty chuyển phát nhanh TNT thuộc Chi cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển sang Úc.

Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 23/5/2017, ở tại quán cà phê Valentino số 142/12 đường T2, phường P3, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh, Cục cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy của Bộ Công an phối hợp với Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Lưu Bá N6 đang giao cho Lê Trần Tuấn K 1 bánh chất bột màu trắng có hình chữ nhật (Bút lục 49,1611). N 6 và K khai nhận bánh chất bột màu trắng vừa nêu là heroine. Lực lượng công an đưa N và K về Công an phường P3, quận T3, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tiến hành thu giữ của N và K một số vật liên quan như sau:

Thu giữ của K:

-1 túi giấy màu vàng, bên trong có túi nylon màu xanh đựng 1 bánh chất bột màu trắng được ép cứng;

-1 điện thoại di động Iphone màu đen;

-1 điện thoại Nokia màu đen;

-1 xe ô tô Kia Morning màu trắng, mang biển số 51F-650.37.

Thu giữ của N6:

-1 điện thoại di động Iphone màu trắng;

-1 điện thoại Nokia màu đen;

-1 xe mô tô Honda Air Blade trắng, đen, vàng mang biển số 83P2-031.02.

Theo lời khai của N6 và K, vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 23/5/2017, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của N6 và Lưu So Q tại địa chỉ 182/12A đường T2, phường P3, quận T3 thì phát hiện thu giữ được tại đây (Bút lục 1627):

-1 xe ô tô Chevolet Park, mang biển số 51D-00900;

-1 cối xay;

-270.000.000đ;

-2 điện thoại di động Iphone 5 màu đen, xám;

-2 điện thoại di động Nokia màu đen;

-1 Ipad màu trắng;

-1 máy tính xách tay hiệu Acer;

-1 Passport số PA1878659 mang tên Luu So Q;

-1 bàn dập để tách thuốc tây ra khỏi vỉ;

-10 viên thuốc màu trắng;

-1 hộp nhựa chứa chất sệt màu vàng;

-5 thùng nhựa hình chữ nhật có dung tích 60l;

-6 can nhựa màu trắng loại 30l, trong đó có 2 can không đựng gì, 3 can đựng đầy dung dịch màu trắng trong, 1 can đựng ¼ dung dịch màu trắng trong;

-2 chảo điện hình chữ nhật;

-2 cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa (loại 1kg và 30kg);

-1 cuốn tập học sinh;

-2 túi nylon màu đen đựng vỉ thuốc Bostafed (không có thuốc);

-Một số hộp giấy đựng vỉ thuốc Bostafed;

-Một số túi bóng kính không đựng gì;

-7.000 đô la Úc (70 tờ tiền mệnh giá 100UAD).

Căn cứ Kết luận giám định số 985/KLGĐ-H ngày 19/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 47, 1611), xác định được như sau:

-Chất bột màu trắng thu giữ của K và N6 ở quán cà phê Valentino đã được nêu là ma túy ở thể rắn loại heroine, có khối lượng là 353,05g;

-Chất sệt màu vàng trong hộp nhựa thu giữ được tại nơi ở của Q như đã nêu là Pseudoephedrine (tiền chất ma túy), có khối lượng là 3200,24g;

-10 viên nén màu trắng có khối lượng 2,2154g, loại Pseudoephedrine;

-Dung dịch màu trắng trong đựng trong 4 can nhựa màu trắng là Methanol có tổng thể tích là 98,5l.

N6 khai rằng Lưu So Q thuê N6 mang số ma túy đã nêu giao cho K; K khai rằng Lưu So Q thuê K nhận ma túy từ N6 để đóng gói gửi sang Australia với số tiền công là 20.000.000đ (Bút lục 49-50).

Vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 23/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của K tại nhà 49/2 đường N4, phường T5, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 1468), thu giữ được tại đây:

-1.000 túi bằng nhựa bóng, màu trắng bạc, kích thước 43cm x 14,5cm;

-32 miếng giấy carton hình chữ nhật, kích thước 16cm x 160cm;

-20 túi bằng nhựa bóng, màu trắng bạc, kích thước 18cm x 8cm;

-4 đèn sạc dài 49cm hiệu Mickey;

-1 loa kéo hiệu Soudmax M6;

-1 cối xay;

-2 bao xác rắn màu trắng, bên trong đựng 388 hộp nhựa màu đen có kích cỡ 43cm x 14,5cm (gồm 2 nửa có thể tháo rời được);

-1 máy ép;

-8 cuộn băng keo;

-1 hộp "keo con chó" loại 600ml có chữ Dog-X66;

-4 hộp có nhãn ghi là keo dán giấy Elmet's.

Ngày 30/5/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Q, N6, K về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 17/7/2017, cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy" xảy ra tại Bưu cục ngoại dịch-X tâm khai thác vận chuyển Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/3/2016; đồng thời ra Quyết định nhập vụ án này vào vụ án mua bán trái phép chất ma túy vừa nêu.

Mở rộng điều tra, ngày 10/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Q, N6 về tội "Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy"; ngày 23/11/2017, ra Quyết định khởi tố bị can đối với Hoàng Cát T, Nguyễn Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Ngày 27/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an bắt T và khám xét nơi ở của T tại nhà không số đường N, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 1192, 1193), thu giữ của T:

-1 điện thoại di động Vertu, có số Imei mang ký hiệu 352108010002300, kèm sim mang số thuê bao 0933558871);

-1 điện thoại Samsung S6 Edge (màu bạc, số Imei mang ký hiệu 359523062195688/02-SNR58G41LOP, không có thẻ sim);

-1 căn cước công dân mang số 079063003888 mang tên Hoàng Cát T do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2017;

-1 chứng minh nhân dân mang số 021056075 mang tên Hoàng Cát T do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2011;

-1 thẻ Ngân hàng Vpbank số 5203-9930-1054-0276 mang tên Zng Cat T;

-1 thẻ Ngân hàng hàng ACB mang số 9704-1605-0069-4288 mang tên Zng Cat T;

-1 thẻ Ngân hàng hàng ACB mang số 4221-0920-0144-5958 mang tên Zng Cat T;

-1 thẻ Ngân hàng hàng Techcombank mang số 9704-0788-1668-2013 mang tên Zng Cat T;

-1 hộ cH mang số L0920004 mang tên Hoàng Cát T cấp ngày 17/9/2015;

-1 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102087 mang tên chủ xe là Hoàng Cát T, cấp ngày 15/4/2013;

-1 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, xe máy số 074274 mang tên chủ xe là Hoàng Cát T, cấp ngày 18/10/2016;

-1 xe ô tô Toyota Venza màu đen mang biển số 51A-509.30, kèm giấy kiểm định xe;

-1 xe mô tô 2 bánh hiệu Honda, màu trắng, đen mang biển số 59A3-04491;

-1 đèn led hiệu Mickey màu đỏ, trắng (có kích thước 50cm x 5cm x 4cm);

-7 tờ giấy nộp tiền và thông báo số dư các loại, có chữ ký xác nhận của Hoàng Cát T.

Ngày 27/11/2017, Cơ quan điều tra Bộ công an cũng tiến hành việc bắt H tại nhà số 71/34/14 đường L, Phường 16, quận G, thu giữ của H:

-1 giấy chứng minh nhân dân số 022756272 mang tên Nguyễn Văn H do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2013;

-1 hộ cH số B2828711 mang tên Nguyễn Văn H;

-1 thẻ ATM ngân hàng Đông Á số 9704061458026590 mang tên NGUYEN VAN H;

-1 điện thoại di động NOKIA (model TA1010, màu trắng, số Imei là 357338088272656, kèm sim);

-1 điện thoại di động NOKIA (model RM1110, màu đen trắng, Imei 358596/06/137, kèm 2 sim);

-1 điện thoại di động NOKIA (model RM1136, màu trắng, Imei 355142078340743, kèm 2 sim);

-1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 077259 đứng tên Nguyễn Văn H do Công an Quận 6 cấp ngày 22/6/2014;

-1 xe mô tô 2 bánh Honda SH150i mang biển số 59U1.70782.

Kết thúc điều tra, các bị cáo khai trình như sau:

Lưu So Q khai trình:

Q quen biết với Ttừ năm 2014. Q biết T làm nghề xây dựng nên Q có nhờ T sửa chữa nhà. Từ đó, đôi bên có thường xuyên qua lại và trở thành bạn bè thân thiết của nhau. Khi biết Q là Việt kiều Úc, T đặt vấn đề nhờ Q tìm nguồn tiêu thụ heroine ở Úc, T sẽ đầu tư vốn và trả công cho Q. Lúc đầu, Q sợ nên từ chối. Đến khoảng tháng 6/2016, do kinh doanh nhà hàng thua lỗ, mắc nợ nhiều người nên Q xin T cho Q tham gia mua bán ma túy và được T đồng ý. Sau đó, Q trở về Úc tìm hiểu và biết được X (Việt kiều Úc, không rõ lai lịch) cần mua ma túy. Q đặt vấn đề với X là sẽ mang ma túy từ Việt Nam sang Úc để bán cho X. X đồng ý với đề nghị của Q nên Q quay về Việt Nam báo lại cho T biết. Sau 2 ngày kể từ khi nghe Q báo lại sự việc, T hẹn Q đến nhậu ở "Vô Tư Quán", địa

chỉ số 17A đường T9, quận P1. Tại đây, T giới thiệu cho Q làm quen với Nguyễn Văn H (tự H ba ke) và cho Q số điện thoại của H. Sau đó, T bảo Q ra nhà vệ sinh và nói với Q rằng khi nào cần ma túy thì gặp H.

Một thời gian sau đó, Q gọi điện thoại cho H hỏi đặt mua heroine; H nói rằng sẽ trả lời Q sau. Khoảng tháng 11/2016, H điện thoại cho Q hẹn gặp Q ở 1 quán cà phê trên địa bàn Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, H giới thiệu cho Q làm quen với X1. X1 và Q thỏa thuận rằng X1 sẽ bán heroine cho Q với giá từ 250.000.000đ đến 260.000.000đ một bánh. Khi chia tay, X1 xin số điện thoại của Q nhưng Q không cho mà nói rằng có gì thì sẽ liên hệ thông qua H. Buổi chiều cùng ngày, Q hẹn gặp Tở "Vô Tư Quán" và báo cho T biết rằng H có heroine bán với giá 290.000.000đ một bánh. T bảo Q báo cho người mua bên Úc. Hôm sau, Q gọi điện cho X và báo giá bán heroine và tiền công. X đồng ý mua với giá 290.000.000đ một bánh và sẽ trả công cho Q 45.000 đô la Úc cho một chuyến hàng gửi sang Úc trót lọt. Sau khi thống nhất với X, Q báo lại cho T biết. Tvà Q thống nhất như sau: Trong số 45.000 đô la Úc tiền công do X trả cho mỗi lần gửi ma túy thì T hưởng từ 20.000 đô la Úc đến 25.000 đô la Úc, còn Q sẽ được hưởng từ 15.000 đô la Úc đến 20.000 đô la Úc; T lo việc đóng gói; Q thì lo việc mua heroine và liên hệ với X để lấy địa chỉ gửi ma túy đi. Sau đó, X liên hệ với Q đặt mua 4 bánh heroine, đôi bên thống nhất: X sẽ giao cho Q 1.200.000.000đ (gồm 1.160.000.000đ tiền mua heroine và 40.000.000đ cho riêng Q) và ứng tiền công vận chuyển là 25.000 đô la Úc; X sẽ cho người giao tiền cho Q tại Thành phố Hồ Chí Minh; khi nào Q chuẩn bị chuyển ma túy thì X sẽ cho Q địa chỉ gửi và số điện thoại để liên lạc. Khoảng 1 đến 2 tuần sau, X gọi điện thoại cho Q, bảo Q đến đường T14, quận Tân Bình để nhận tiền. Q đến điểm hẹn thì nhận được 1.200.000.000đ và 25.000 đô la Úc từ người của X giao. Q báo lại cho T, T bảo Q mang 25.000 đô la Úc đến "Vô Tư Quán" để giao cho T. Tuy nhiên, khi gặp nhau, Q nói rằng đang kẹt tiền và xin T cho Q giữ lại 10.000 đô la Úc, T đồng ý nên Q chỉ giao cho T 15.000 đô la Úc.

Để thực hiện việc cất giấu ma túy, T lần lượt bảo K và Q đến nơi ở của T tại nhà không số, trong hẻm số 82 đường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để cho xem 1 hộp đèn led; Tcho K và Q biết là ma túy sẽ được cất giấu trong khay để pin đèn led. Vài ngày sau đó, T bảo K và Q đến quán cà phê X Nguyên nằm ở góc đường V4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để bàn bạc việc cất giấu ma túy chuyển sang Úc. Sau khi bàn bạc, T phân công: Q có nhiệm đi mua đèn led và mua heroine mang về giao cho K; K có trách nhiệm vụ tháo bỏ pin của các đèn led, đóng gói heroine thành các hộp như cục pin rồi cất giấu vào hộc để pin của đèn led.

Sau khi bàn bạc thống nhất, Q gọi điện cho H đặt mua 4 bánh heroine. H gọi điện cho X1, X1 nói lát nữa sẽ giao hàng. Sau đó, X1 giao cho H 4 bánh heroine trên đường N8, quận P1. Sau khi nhận được heroine do X1 giao, H điện thoại cho Q và bảo Q đến nhận ma túy. Q trả lời rằng sẽ nhờ Lưu Bá N6 đến lấy

ma túy. Sau đó, Q đưa cho N6 800.000.000đ và số điện thoại của H; Q bảo N6 liên hệ với H để nhận ma túy. N6 gọi điện cho H, H bảo N6 đến đường N8. Đúng hẹn, N6 đến gặp H, đưa bọc tiền cho H và nhận 4 bánh heroine do H giao. Sau khi nhận tiền của N6, H gọi điện cho X1 để giao tiền lại cho X1. X1 sai người của X1 đến gặp H để nhận tiền. Sau khi nhận ma túy do H giao, N6 mang về nhà số 182/12A đường T2, quận T3 và báo cho Q biết. Q bảo N6 giao ma túy lại cho K. N6 điện thoại hẹn gặp K và đã giao cho K 4 bánh heroine ở khu vực ngã ba đường Trường Chinh-Âu Cơ, quận T3. Sau khi nhận heroine do N6 giao, K mang heroine về nơi ở tại địa chỉ 49/2 đường N4, quận T3. K dùng búa đập các bánh heroine cho vỡ vụn, bỏ vào máy xay sinh tố, xay nhuyễn, rồi bỏ vào 14 túi giấy bạc và ép chặt miệng túi lại. Sau khi làm xong công đoạn này, K gọi điện cho T, bảo T cho người mang đèn led đến để K làm công đoạn tiếp theo. Sau đó, Q đến chợ Kim Biên ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, mua một thùng đèn led theo mẫu mà T cho xem, rồi Q bảo N6 mang đi giao cho K. N6 gọi điện cho K và giao thùng đèn led cho K ở trên đường Âu Cơ. K mang thùng đèn led về nhà và tháo bỏ toàn bộ pin của các đèn led ra. Sau đó, K đặt một cơ sở gia công làm 400 hộp nhựa màu đen có kích cỡ tương đồng như cục pin của đèn led. K bỏ 14 túi giấy bạc đựng ma túy vào 14 hộp nhựa và gắn vào 14 đèn led thay thế cho pin đèn. Sau khi làm xong K điện thoại báo cho T biết. T bảo Q liên hệ với X để hỏi địa chỉ gửi hàng. X báo địa chỉ cho Q, Q bảo N6 báo lại cho K biết để gửi sang Úc. Do ma túy gửi đi bị bắt giữ nên X không trả cho Q số tiền công 20.000 đô la Úc còn lại. Đối với số tiền 1.200.000.000đ mà Q nhận từ X: Q được hưởng 40.000.000đ do được X cho riêng; còn lại 1.160.000.000đ, Q đã trả cho H làm 4 lần và còn nợ lại H khoảng 50.000.000đ.

Khoảng tháng 02/2017, Q bảo N6 đi gặp K và nói N6 rằng khi gặp K thì sử dụng Viber gọi cho Q để Q nói chuyện với K. N6 gọi điện cho K hẹn đến quán cà phê Valentino ở trên đường T2, quận T3, rồi dùng điện thoại của mình gọi Viber cho Q và để Q nói chuyện với K. Q thuê K đóng gói, cất giấu 1 bánh heroine (để nguyên cả bánh không xay ra như lần trước) vào đáy chiếc loa thùng để gửi đi Úc bán; Q hứa trả công cho K 50.000.000đ, K đồng ý. Sau đó, Q gọi điện cho H, bảo H đặt mua 1 bánh heroine của X1. H nói không làm nữa, vì Q chưa trả đủ tiền cho H, nếu Q đưa đưa tiền trước thì H mới làm. Q nói với H rằng để Q chuẩn bị và sẽ đưa tiền. Chiều 22/5/2017, Q bảo N6 liên hệ với H để mua một bánh heroine và đưa cho N6 2 cọc tiền (1 cọc 50.000.000đ và 1 cọc 290.000.000đ). Q dặn N6 đưa cọc 50.000.000đ trả nợ cũ cho H, còn cọc 290.000.000đ là tiền mua 1 bánh heroine. Sau đó, N6 liên hệ với H, giao tiền cho H và nhận heroine. Sau khi nhận được bánh heroine từ H, N6 mang về báo lại cho Q; Q đưa cho N6 20.000.000đ và bảo N6 giao bánh heroine và số tiền đã nêu cho K để K đóng gói chuyển đi Úc. Vào khoảng 8 giờ 30 phút ngày 23/05/2017, khi N6 giao bánh heroine cho K ở quán cà phê Valentino thì bị bắt như đã nêu ở phần trên.

Vào khoảng 5/2017 (trước ngày Q bị bắt khoảng 2 tuần), Q có quen một phụ nữ tên Z ở một nhà hàng trên đường N9, quận T3. Tại đây, Z đặt vấn đề mua tiền chất ma túy là Pseudoephedrine (PSE); đồng thời, Z hướng dẫn Q cách điều chế PSE bằng cách ngâm thuốc tây Bostafed vào cồn công nghiệp trong 2 giờ, rồi đun sôi trong thời gian 8 giờ cho cồn bay hơi, sẽ còn lại chất sền sệt đó là PSE. Trước đó, vào khoảng năm 2013, Q có quen biết với N10 làm nghề kinh doanh thực phẩm chức năng và thuốc tây. Do vậy, Q liên lạc với N10 nhờ N10 mua giùm thuốc Bostafed. N10 có quen biết với một người tên Hải trong một lần đi khám nha kZ, Hải giới thiệu mình là người bỏ mối thuốc tây cho các phòng khám. Do vậy, N10 liên hệ với Hải để hỏi mua thuốc Bostafed. Hải báo giá cho N10 biết giá bán 1 thùng thuốc Bostafed là 110.000.000đ. N10 báo lại cho Q biết, Q bảo N10 mua giùm Q 2 thùng và đưa cho N10 220.000.000đ. Sau đó, N10 đặt mua của Hải 2 thùng Bostafed, Hải giao thuốc cho N10 ở khu vực Chợ hoa Đầm Sen, Quận 11; N10 báo cho biết để Q đến nhận thuốc; Q bảo N10 giao thuốc cho N6. Sau đó, N6 nhận 2 thùng thuốc Bostafed do N10 giao ở khu vực cầu Nước Lên, trên đường Võ Văn Kiệt, quận Bình Tân. N6 mang số thuốc đã nêu về cất tại nhà 182/12A đường T2, quận T3 và báo cho Q biết. Sau đó, Q đưa tiền cho N6, bảo N6 đi mua cồn công nghiệp, xô nhựa, khay nhựa …để về điều chế PSE. Khi đã có đầy đủ dụng cụ, N6 thực hiện việc điều chế PSE ở tại sân thượng của căn nhà vừa nêu theo cách thức mà Z đã hướng dẫn Q và Q hướng dẫn lại cho N6. Từ 2 thùng Bostafed, N6 nấu được 3.200,24g PSE và bỏ vào hộp nhựa, rồi đưa cho Q xem. Q bảo N6 mang cất ở trên lầu 2 của căn nhà. Khi công an khám nhà đã thu giữ được khối lượng PSE đã nêu.

Lê Trần Tuấn K khai trình như sau:

K quen biết Tvào khoảng giữa năm 2014 qua một người bạn đã chết. T xem K như người thân trong nhà. T có 1 có căn nhà kế căn nhà số 82/1 đường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào giữa năm 2015, T gặp K bàn bạc thuê K cất giấu heroine vào thùng carton chuyển đi Úc. T hướng dẫn K cách cất giấu heroine và thỏa thuận rằng mỗi đợt chuyển heroine đi thì T sẽ trả cho K 20.000.000đ tiền công. K đã chuyển heroine sang Úc cho T3 lần, cụ thể như sau:

Lần nhứ nhất: Vào khoảng giữa năm 2015 (sau khi T và K gặp lại nhau khoảng 1 tuần), thông qua một người chạy xe ôm, T giao cho K 2 bánh heroine và 35.000.000đ (gồm 20.000.000đ tiền công trả cho K và 15.000.000đ để mua đồ ngụy trang). Theo sự chỉ đạo của T, K đã cất giấu số ma túy đã nêu vào vách các thùng carton, mua vỏ điện thoại, vỏ ipad bỏ vào thùng để ngụy trang, rồi lấy tên người gửi là Nguyễn Văn H5 ở 15A D1, Phường 15, P1, mang đến Bưu điện P1 gửi đi Úc theo địa chỉ người nhận do T cung cấp.

Lần thứ 2: Vào khoảng tháng 3/2016, T tiếp tục cho người chạy xe ôm giao cho K 4 bánh heroine và 20.000.000đ để mua đồ ngụy trang. K đóng gói, cất giấu 4 bánh heroine vào 3 thùng carton, sử dụng 11.000.000đ mua vỏ điện

thoại…bỏ vào thùng để ngụy trang rồi mang đến bưu điện P1 gửi đi Úc. K lấy tên, địa chỉ người gửi như lần thứ nhất; còn địa chỉ người nhận thì do T cung cấp (K không nhớ). Sau khi gửi hàng đi được khoảng 1 tuần thì T cho biết hàng đã bị bắt. Do vậy, T chưa trả tiền công cho K.

Lần thứ 3: Vào khoảng tháng 11/2016, T liên lạc với K và bảo K đến quán cà phê ở góc đường V4 thuộc Quận 11 (K không nhớ tên). Khi K đến nơi thì thấy Q ngồi cùng với T. T bảo K thay đổi phương án cất giấu heroine và hướng dẫn K cất giấu heroine vào trong ruột pin đèn led và giao cho Q nhiệm vụ mua đèn led. Khoảng 1 tuần sau, N6 liên lạc với K, hẹn gặp và giao cho K 4 bánh heroine ở trên đường Âu Cơ. K mang 4 bánh heroine về nhà số 49/2 đường N4, đập nhỏ, bỏ vào máy xay sinh tố xay nhuyễn rồi bỏ vào 14 túi giấy bạc ép kín lại. Sau đó, K điện thoại báo cho T biết để T cho người mang đèn led đến. Ngày hôm sau, N6 mang đến và giao cho K 1 thùng đèn led. K tháo bỏ lõi 14 cục pin của các đèn led rồi bỏ 14 bịch heroine vào thay thế. Sau đó, K báo lại cho T biết; Tbảo K mang đi gửi nhưng K từ chối vì sợ bị bắt. T đưa cho K 1 số điện thoại (K không còn nhớ và cũng không lưu lại) để giao hàng cho người sử dụng số điện thoại do Tđưa. Vì vẫn sợ nên K không mang hàng đi giao mà thuê một người xe ôm (K không biết tên) mang hàng đi giao cho người của T ở khu triển lãm Tân Bình. T giao cho ai đi gửi hàng qua Úc thì K không biết. Trong lần chuyển hàng này, T vẫn chưa trả tiền công cho K.

Trước đây, vì sợ T trả thù, hại vợ con của K nên K không dám khai ra T là người cầm đầu. Thực tế, Q chỉ thuê K đóng gói vận chuyển một lần với khối lượng 1 bánh heroine thì bị bắt quả tang vào ngày 23/5/2017 (Bút lục 1550).

Về khối lượng ma túy bị bắt quả tang ở quán cà phê Valentino thì K khai nhận giống như nội dung mà Q đã khai.

Nguyễn Văn H khai nhận như sau (Bút lục 1409):

Trong một lần đi nhậu ở "Vô Tư Quán" đường T9, quận P1 (H không nhớ thời gian), H gặp T, T giới thiệu Q với H nên từ đó H mới biết T. Q và H có cho nhau số điện thoại để liên lạc. Sau đó, Q có gọi điện thoại cho H hỏi rằng có biết chỗ nào bán ma túy loại tốt hay không. H trả lời rằng có biết một thằng em ở ngoài xã hội, để H hỏi xem thế nào rồi sẽ báo lại cho Q sau. H có quen biết X1 (không rõ lai lịch, thuê nhà sinh sống gần Chung cư T10). Do vậy, H gọi điện cho X1 và nói với X1 rằng Q muốn mua ma túy loại tốt, nếu X1 có thì báo cho Q biết. X1 nói có và đồng ý gặp Q để nói chuyện. H điện thoại báo lại cho Q. Sau đó, Q, H và X1 gặp nhau trong một quán cà phê ở một chung cư trên địa bàn Quận 4. H giới thiệu X1 với Q và nói rằng X1 là người sẽ bán ma túy cho Q. Tại đây, X1 cho Q biết giá bán một số loại ma túy. Q nói rằng muốn mua heroine loại hàng bánh; X1 nói hàng tốt có giá từ 250.000.000đ đến 260.000.000đ một bánh. X1 xin số điện thoại của Q nhưng Q không cho mà nói rằng có gì thì liên lạc với H để giao nhận hàng. Kể từ đó về sau, Q đã gọi điện cho H để hỏi mua ma túy 2 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 11/2006, Q gọi điện thoại cho H, bảo H nói với X1 là Q mua 4 bánh heroine. Ngay sau đó, H gọi điện thoại báo lại cho X1. X1 hỏi H đang ở đâu và nói rằng lát nữa X1 sẽ cho người mang heroine đến cho H. Đồng thời, X1 dặn H nhận tiền do Q trả, mang về giao lại cho X1. Khoảng 19 đến 20 giờ cùng ngày, X1 gọi điện cho H nói "có hàng rồi, anh ở đâu, em mang tới". H hẹn gặp X1 ở trên đường N8. Một lúc sau, X1 đi xe máy đến điểm hẹn giao cho H 1 bao nylon màu đen, bên trong có 4 bánh heroine. Giao nhận xong, X1 đi về; H điện thoại báo cho Q biết để giao ma túy cho Q. Q nói với H rằng Q sẽ cho N6 đến nhận ma túy; đồng thời, Q cho H số điện thoại của N6. Sau đó, N6 và H liên lạc với nhau và gặp nhau ở trên đường N8. Tại đây, H giao cho N6 túi nylon có đựng 4 bánh heroine, N6 giao cho H 1 bọc nylon bên trong có đựng tiền. H không rõ trong bọc nylon có bao nhiêu tiền vì H không đếm. Nhận tiền xong, H gọi điện thoại cho Q hỏi "bao nhiêu tiền vậy". Q bảo H cứ đưa bọc tiền cho X1, từng đó chưa đủ đâu, vài bữa nữa, Q sẽ gửi tiền trả hết cho X1. Sau đó, H gọi điện cho X1, hẹn gặp để giao tiền lại cho X1. X1 nói rằng sẽ cho người đến gặp H. Khoảng 30 phút sau, có một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện cho H nói rằng là người của X1 đến lấy tiền. H hẹn gặp người này ở đường N8. Đúng hẹn, người đàn ông này đến gặp H, H giao tiền cho người này. Khoảng 2 ngày sau đó, X1 gọi điện thoại hẹn gặp H ở một quán cà phê trên địa bàn Phường 3, quận G. Tại đây, X1 nói với H rằng Q trả tiền chưa đủ, đến khi nào Q trả đủ thì X1 sẽ cho H tiền cò là 30.000.000đ tính trên một bánh. Khoảng 2 tuần sau, Q gặp H và đưa tiền cho H 2 lần (gặp ở đâu thì H không còn nhớ rõ, đưa bao nhiêu tiền thì H cũng không rõ vì H không đếm). H đã giao lại cho X1 toàn bộ số tiền mà H nhận từ Q. X1 cho H 120.000.000đ tiền cò. Giá thỏa thuận mua bán giữa Q và X1 là từ 250.000.000đ đến 260.000.000đ một bánh heroine. Tuy nhiên, trong một lần trả tiền, Q hỏi H rằng X1 có cho H tiền cò không, H trả lời là không, Q nói rằng sẽ cho H tiền cò 30.000.000đ tính trên một bánh. Do vậy, Q trả tiền cho H tính theo giá 290.000.000đ một bánh trong đó có tiền cò Q cho H. Nhưng thực tế thì Q chưa cho H khoản tiền cò nào.

Lần thứ hai: Vào ngày 22/5/2017, Q gọi điện thoại cho H, bảo H liên hệ với X1 để lấy 1 bánh heroine; H nói với Q rằng H không làm nữa vì Q chưa trả tiền cò cho H; nếu muốn lấy thì phải có tiền thì H mới lấy; Q nói được rồi, sẽ đưa tiền. Khoảng 16 đến 17 giờ ngày 22/5/2017, N6 điện thoại cho H và hỏi H đang ở đâu, N6 muốn gặp H có chút chuyện; H trả lời rằng đang ở quán cà phê "Miền Đồng Thảo" trên đường N8, quận P1 và hẹn N6 đến gặp. Khoảng 20 phút sau, H thấy N6 và vợ N6 đến. Khi đến, N6 vào ngồi chung bàn với H, còn vợ của N6 thì ngồi ở một bàn khác. N6 đưa cho H 1 bịch nylon đựng 2 cọc tiền, trong đó có 1 cọc tiền 50.000.000đ. N6 nói rằng cọc tiền 50.000.000đ là tiền Q trả nợ cũ cho H; cọc còn lại là tiền Q đưa để mua 1 bánh heroine. Ngay sau đó, H gọi điện thoại cho X1, nói X1 bán cho Q 1 bánh heroine; X1 nói đợi một lát sẽ gọi lại. Khoảng 19 giờ cùng ngày, X1 gọi điện thoại cho H báo là đã có hàng

và nói rằng sẽ cho người mang đến giao cho H để H giao lại cho Q. Khoảng 20 giờ cùng ngày thì có một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện cho H tự xưng là người của X1 mang hàng đến giao cho H. H và người này hẹn gặp nhau ở trên đường N8 đoạn ở gần đường Phan Đình Phùng, quận P1. Khoảng 30 phút sau, H và người đàn ông đã nêu gặp nhau ở điểm hẹn, người đàn ông đưa cho H 1 bịch nylon màu đen, bên trong có 1 bánh heroine; H đưa cho người đàn ông cọc tiền mà N6 đã đưa cho H trước đó. Người đàn ông nói rằng "anh X1 dặn anh lấy 30.000.000đ phần của anh". H lấy 30.000.000đ trong cọc tiền, phần còn lại H đưa lại cho người đàn ông đã nêu. Sau đó, H gọi điện thoại cho N6, hẹn N6 đến đường N8, quận P1 để nhận heroine. Khoảng 21 giờ cùng ngày, N6 và H gặp nhau ở điểm hẹn, H giao cho N6 1 bánh heroine.

H quen biết với Ttừ năm 2015; H quen biết với Q từ năm 2016 thông qua sự giới thiệu của T. H quen biết với K vào khoảng giữa năm 2016, trong lúc đi nhậu chung với K thì gặp Q và T. H quen N6 khi N6 đi nhậu chung với Q, Tở "Vô tư quán" nhưng H không nhớ thời gian. T không chỉ đạo H mua bán ma túy nhưng T giới thiệu H làm việc với Q do T chưa thật sự tin tưởng H. H biết T mua bán ma túy là do Q nói. K là đàn em thân tín của T chuyên lo việc gia công, đóng gói, cất giấu heroine cho T. Bởi vì khi K từng ở chung với Tuyển (cũng là bạn của H). Khi Tuyển biết K làm việc đã nêu, Tuyển đuổi K, không cho ở chung nữa. Tuyển hiện đang trốn nợ, đi đâu không rõ (Bút lục 1374, 1391, 1395).

N6 khai nhận như sau (Bút lục 1671-1676):

N6 với Q là người cùng quê, quen biết với nhau từ năm 2015 khi N6 làm tài xế xe khách. Q có mời N6 về làm tài xế cho Q. Cuối năm 2016, N6 làm tài xế riêng cho Q và thuê nhà ở cùng nhau tại địa chỉ 182/12A đường T2, phường P3, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh. N6 biết H là thông qua Q. N6 biết Q và H có mua bán ma túy với nhau. Q nhờ N6 đi nhận ma túy từ H và giao tiền mua ma túy cho H. Q không hứa trả công cho N6 nhưng N6 biết Q sẽ cho N6 tiền để tiêu xài. Mặt khác, N6 chịu ơn Q vì có vài lần Q giúp đỡ N6 bằng cách cho N6 tiền để chữa bệnh cho mẹ của N6. N6 đã 2 lần giúp Q vận chuyển ma túy, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 12/2016, Q đưa số điện thoại của H cho N6 và bảo N6 đi nhận 4 bánh heroine từ H để mang về giao lại cho K. Q đưa cho N6 1 bịch tiền để trả cho H, số tiền cụ thể là bao nhiêu thì N6 không biết. Thực hiện theo yêu cầu của Q, N6 gọi điện cho H và hẹn gặp H trên đường N8, quận P1. Khi gặp H, H giao cho N6 4 bánh heroine để trong 1 bịch nylon màu đen; N6 giao cho H 1 bịch tiền. Nhận xong, N6 mang heroine về nơi ở tại địa chỉ 182/12A đường T2, phường P3, quận T3 và báo lại cho Q. Q cho N6 số điện thoại của K và bảo N6 mang 4 bánh heroine giao cho K. Sau đó, N6 điện thoại liên lạc với K và giao lại 4 bánh heroine cho K ở khu vực ngã tư Âu Cơ – Trường Chinh. K làm gì với số ma túy đã nêu thì N6 không biết.

Lần thứ hai: Vào ngày 22/5/2017, Q bảo N6 đi mua 1 chiếc loa thùng để cất giấu heroine và bảo N6 đi nhận 1 bánh heroine từ H. Q giao cho N6 2 cọc tiền: một cọc tiền 50.000.000đ, Q dặn là trả nợ cho H; còn lại một cọc lớn hơn, Q dặn N6 đưa cho H để mua 1 bánh heroine. Sau khi liên lạc với H, vào khoảng 17 giờ ngày 22/5/2017, N6 đến quán cà phê Miền Đông Thảo để gặp H (N6 đi bằng xe máy và có chở vợ con đi cùng). Khi đến quán cà phê, N6 đến ngồi chung bàn với H và giao cho H 2 cọc tiền đã nêu; còn vợ con của N6 ngồi ở một bàn khác.

Bị cáo T khai như sau: Bị cáo không biết gì về việc Q, K, H và N6 mua bán ma túy. Còn lý do tại sao K và Q khai bị cáo tổ chức mua bán ma túy thì bị cáo không biết. Có lần bị cáo đã uống cà phê với Q và K ở quán cà phê ở góc đường V4 Quận 11 nhưng chỉ nói chuyện với nhau, hoàn toàn không có việc bàn bạc mua bán, cất giấu ma túy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 405/2018/HSST ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Cát T, Nguyễn Văn H và Lê Trần Tuấn K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Lưu So Q và Lưu Bá N6 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy"

2. Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo **Hoàng Cát T** tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2017.

Phạt bổ sung, tịch thu các tài sản sau đây của bị cáo T:

-1 xe ô tô Toyota Venza màu đen, mang biển số 51A-50930; số máy 1AR0103085, số khung 4T3ZE11A09U011191;

-1 xe mô tô hai bánh hiệu Honda, màu trắng, đen, biển số 59A3–04491, số máy mang ký hiệu RC70E21000035, số khung mang ký hiệu 8AO7F RC821000031;

-1 điện thoại Vertu màu vàng, đen (kèm theo thẻ sim số 0933.558.871);

-1 điện thoại Samsung S6 Edge màu bạc (không thẻ sim);

-Toàn bộ số dư (nếu có) trong các tài khoản thẻ ngân hàng sau: Thẻ ngân hàng VPBank (Master Card) số 5203 9930 1054 0276 mang tên Zng Cat T; thẻ Ngân hàng ACB số 9704 1605 0069 4288 mang tên Zng Cat T; thẻ Ngân hàng ACB số 4221 0920 0144 5958 mang tên Zng Cat T.

3. Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 4 Điều 195 ; khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm c khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, khoản 3

Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt bị cáo **Lưu So Q** (tên gọi khác: Lưu Sơ Q) tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2017.

Phạt bổ sung, tịch thu các tài sản sau đây của bị cáo Q:

-270.000.000đ (hai trăm bảy mươi Tđồng);

-1 điện thoại Iphone màu đen xám (kèm theo thẻ sim);

-1 điện thoại Iphone màu đen xám (không có thẻ sim);

-1 điện thoại Nokia màu đen (kèm theo thẻ sim);

-1 điện thoại Nokia màu đen (kèm theo thẻ sim);

-1 Ipad màu trắng màn hình vỡ (kèm theo thẻ sim);

-1 máy tính xách tay hiệu Acer màu đen;

-1 ti vi hiệu SONY, Model KLV32BX35A.

4.Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt **Nguyễn Văn H** tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2017,

Phạt bổ sung, tịch thu tài sản sau đây của bị cáo H: Xe mô tô hai bánh hiệu Honda SH150i, biển số 59U1-707.82, số máy KF08-E0114711-KTGE1, số khung KF08A07F-180823;

5.Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt **Lê Trần Tuấn K** tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2017,

Phạt bổ sung, tịch thu của K chiếc xe ô tô Kia Morning màu trắng, biển số 51F-650.37; số máy mang ký hiệu G4LAFP130110; số khung mang ký hiệu RNYTB51M5GC069245;

6.Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, khoản 4 Điều 195; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt bị cáo **Lưu Bá N6** 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 16 (mười sáu) năm tù về tội "Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ 23/5/2017,

Phạt bổ sung 50.000.000đ (năm mươi Tđồng).

7.Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Truy thu, buộc bị cáo Lưu So Q nộp lại 423.217.500đ (bốn trăm hai mươi ba T, hai trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Truy thu, buộc bị cáo H phải nộp lại 200.000.000đ (hai trăm Tđồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ nộp lại khoản tiền truy vừa nêu, các bị cáo Lưu So Q và Nguyễn Văn H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 368 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

-Xe mô tô hiệu Honda Air blade màu trắng, đen, vàng, mang biển số 83P2-03102; số máy JF46E-4156943; số khung RLHJF4604DY567899;

-7.000 đô la Úc;

-01 cối xay ST-20B;

-01 bàn dập bằng sắt để dùng lấy thuốc ra khỏi vỉ;

-02 máy ép miệng bao;

-02 chảo điện hình chữ nhật có nắp (kích thước khoảng 300x380x100mm);

-02 cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa (1 chiếc loại 1 kg và 1 chiếc loại 30kg):

-01 điện thoại Nokia màu đen (kèm theo thẻ SIM);

-01 điện thoại Iphone màu đen xám bị vỡ màn hình (kèm theo thẻ SIM);

-01 điện thoại Samsung màu đen (kèm theo thẻ SIM);

-01 điện thoại Iphone màu vàng trắng (kèm theo thẻ SIM);

-01 loa kéo hiệu Soundmax M6;

-01 cối xay Cruzo electrolux;

-01 điện thoại Nokia màu trắng, Model: TA-1010 (kèm theo thẻ SIM);

-01 điện thoại Nokia màu trắng, Model RM-1136 (kèm theo 2 thẻ SIM);

-01 điện thoại Nokia màu đen, trắng, Model RM-1110 (kèm theo 2 thẻ SIM).

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

-01 phong bì niêm phong vụ số 1147/C54B ngày 23/3/2016;

-01 hộp được niêm phong sau giám định vụ số 4017/C54B ngày 01/02/2018;

-03 gói niêm phong, bên ngoài ghi vụ số 985 (gói 1, gói 2 và gói 3);

-04 can nhựa loại 30 lít được niêm phong bên ngoài ghi vụ số 985 (can 1, can 2, can 3 và can 4) có chữ ký niêm phong của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC54) và cán bộ điều tra Trần Thị Cẩm Huyên (PC47), bên trong là Methanol còn lại sau giám định.

-04 thùng niêm phong đề ngày 07/4/2016 có hình dấu niêm phong của Đội 2 – Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-01 thùng carton kích thước khoảng 50x40x30cm có chữ ký của Lưu Bá N6 (bên trong chứa nhiều vỏ vỉ thuốc Bostafed, túi bóng kính);

-05 thùng nhựa hình chữ nhật có nắp đậy, loại dung tích 60 lít; 2 can nhựa màu trắng loại 30 lít;

-01 bao nylon (bên trong đựng 1.000 túi nhựa bóng màu trắng bạc, loại có kích thước 43x14,5cm);

-32 miếng giấy carton hình chữ nhật có kích thước khoảng 80x16cm;

-20 túi nhựa bóng màu trắng bạc, có kích thước khoảng 18x8cm;

-04 đèn xạc dài 49cm hiệu Mickey;

-02 bao xác rắn màu trắng, bên trong đựng 388 hộp nhựa màu đen, gồm 2 nửa có tháo rời được có kích thước khoảng 13,5x6 x 2,8cm;

-08 cuộn băng keo màu vàng (6 cuộn lớn, 2 cuộn nhỏ);

-1 hộp keo con chó loại 600ml, có chữ Dog-X66;

-04 hộp keo dán giấy nhãn ELMER'S;

-01 chiếc đèn led hiệu Mickey màu đỏ, trắng có kích thước khoảng khoảng 50 x 5 x 4cm;

- Tờ giấy nộp tiền và thông báo số dư các loại;

Giao trả lại cho bà Võ Việt V1 chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Spark màu trắng, mang biển số 51D-009.00.

Giao trả cho bị cáo Hoàng Cát T: 1 căn cước công dân số 079063003888 mang tên Hoàng Cát T do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2017; 1 chứng minh nhân dân số 021056075 mang tên Hoàng Cát T do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2011; 1 hộ cH số C0920004 mang tên Hoàng Cát T do Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 17/9/2015; 1 Thẻ Ngân hàng Techcombank số 9704 0788 1668 2013 mang tên Zng Cat T.

Giao trả cho bị cáo Nguyễn Văn H: 1 giấy chứng minh nhân dân số 022756272 mang tên Nguyễn Văn H do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2013; 1 hộ cH số B2828711 mang tên Nguyễn Văn H do Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 09/12/2008; 1 thẻ ATM Ngân hàng Đông Á số 9704061458026590 mang tên Nguyễn Văn H.

Giao cho Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh các giấy tờ sau để xem xét làm thủ tục sung quỹ Nhà nước các tài sản liên quan đã tuyên ở các mục trên:

-1 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 102087 mang tên Hoàng Cát T do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/4/2013;

-1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 074274 mang tên Hoàng Cát T do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2016;

-1 thẻ ngân hàng VPBank (Master Card) số 5203 9930 1054 0276 mang tên Zng Cat T (bị cắt góc);

-1 thẻ Ngân hàng ACB số 9704 1605 0069 4288 mang tên Zng Cat T;

-1 thẻ Ngân hàng ACB số 4221 0920 0144 5958 mang tên Zng Cat T;

-1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 077259 mang tên Cao Thị Khánh Ly do Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2014.

**Các vật chứng là xe ô tô hiện đang được gửi tại kho vật chứng cục C83 – Tổng cục VIII Bộ công an. Các vật chứng tài sản khác liên quan liên quan đến vụ án hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố hồ Chí Minh theo Biên bản bàn giao nhận tang tài vật số 259/18 ngày 12/6/2018 giữa Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và C47 Bộ Công an. Riêng đối với vật chứng là tiền Việt Nam thì đang được gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước Quận 10 theo giấy nộp vào tài khoản ngày 01/6/2017 và. Đối với tiền là đô la Úc đang được gửi giữ tại kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh theo Chứng nhận nộp tiền ngày 03/7/2017 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2018 bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin lại xe đã tịch thu vì xe mua cho con gái, xe không phải là phương tiện phục vụ hành vi phạm tội, không phải tài sản hình thành từ nguồn thu bất chính.

Ngày 14/11/2018 bị cáo Lê Trần Tuấn K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/11/2018 bị cáo Lưu So Q có đơn kháng cáo với lý do mức án tù chung thân là nặng và oan cho bị cáo.

Ngày 15/11/2018 bị cáo Hoàng Cát T có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 21/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 61/QĐ-VKS-P1 ngày 21/11/2018 kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 405/2018/HS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tăng nặng mức hình phạt lên tử hình đối với bị cáo Hoàng Cát T và Lưu So Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Trần Tuấn K**,** Lưu So Q**,** Nguyễn Văn H và Hoàng Cát T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo K xin được nhận lại chiếc xe đã tịch thu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Đối với kháng cáo của bị cáo T: Bị cáo không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy (khoảng l,4kg heroin giấu trong đèn led bị cơ quan chức năng Úc thu giữ) như án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ tài liệu sau: Lời khai của Lưu So Q (Bút lục 1113-116,1128-1132**),** biên bản đối chất giữa Q và T(Bút lục 1283-1284) và lời khai của Lê Trần Tuấn K (Bút lục 1546- 1547, 1550-2554**),** Biên bản đối chất giữa T và K (Bút lục 1280-1283), đối với 1.4kg heroin cất giấu trong bóng đèn led từ Việt Nam chuyển đến Úc bị thu giữ. Q và K khai: T đã gặp K và Q ở quán cà phê ở góc đường Vĩnh Viễn - Lý Thường Kiệt, Quận 11 để chỉ đạo, phân công K thực hiện công việc gia công, đóng gói, cất giấu heroin vào đèn led theo hướng dẫn của T; Q được giao nhiệm vụ mua bóng đèn led và lấy heroin từ Nguyễn Văn H (T giới thiệu cho Q) để đưa cho K gia công, đóng gói cất giấu ma túy. Trước đó T giao cho Q tìm nguồn tiêu thụ ma túy bên Úc và 02 người thỏa thuận chia nhau tiền công được hưởng khi vận chuyển heroin sang Úc thành công (Bút lục 1097-1101). Trong quá trình điều tra, T cũng khai rằng vào khoảng cuối năm 2016 T có uống cà phê với Q và K ở quán cà phê vừa nêu nhưng không bàn bạc việc mua bán ma túy **(**Bút lục 1273-1274). Trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2016 đến 28/11/2016 T có đi du lịch ở Dubai . Tuy nhiên, lời khai của K và Q (ở giai đoạn điều tra) chỉ xác định rằng trong khoảng tháng 11/2016 (không xác định

ngày cụ thể). Q, K khai từng được T mời đến nhà để cho xem mẫu đèn led để cất giấu ma túy và mô tả được việc bố trí, sắp xếp các phòng trong căn nhà của T tại địa chỉ nhà không số, trong hẻm số 82 đường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 1107-1109, 1542-1543). Ngoài ra theo lời khai của H: Q nói cho H biết việc Q và T làm ăn, mua bán ma túy chung với nhau. H biết K là đàn em thân tín của T, chuyên gia công đóng gói cất giấu ma túy cho T(Bút lục 1395-1396, 1415-1416).

Hoàng Cát T tham gia với vai trò chủ mưu trong mua và vận chuyển khoảng l,4kg heroin bị cơ quan chức năng Úc thu giữ bên trong ngăn chứa pin của 14 đèn led. Án sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ, không oan. Với hành vi mua bán 04 bánh heroin tương đương 1.412,2g heroin của bị cáo T, án sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 BLHS là có căn cứ. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc làm của mình là sai trái, biết tác hại của ma túy là một loại biệt dược độc hại, gây ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe của người sử dụng ma túy, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội và pháp luật Việt Nam trừng trị nghiêm khắc những người có hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép... chất ma túy. Nhưng vì tư lợi, bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng rất lớn khoảng l,4kg. Trong vụ án này, bị cáo T giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu đã cấu kết với các bị cáo khác để thực hiện hành vi vận chuyển heroin qua Úc bán với số lượng rất lớn. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia. Án sơ thẩm tuyên xử bị cáo tù chung thân là chưa thỏa đáng, không nghiêm, không có tác dụng đấu tranh tội phạm về ma túy. Vì vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt từ chung thân lên hình phạt tử hình đối với bị cáo T.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lưu So Q: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thay đổi toàn bộ lời khai không thừa nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy như án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu sau: Lời khai của bị cáo Q (Bút lục 1113-1132) về hành vi mua bán trái phép chất ma túy (đối với khoảng 1.4 kg heroin và 353.05g heroin) hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn H (Bút lục 1409-1413), Lê Trần Tuấn K (Bút lục 1563 1566; 1546-1547), Lưu Bá N6 (Bút lục 1667-1667, 1671-1674). Trong quá trình điều tra, lấy lời khai của bị cáo có sự tham gia của Luật sư, Kiểm sát viên. Tại biên bản đối chất giữa Q với H, Q khai nhận 02 lần mua ma túy của H (Bút lục 1421-1423). Lần 01: có sự tham gia của Hoàng Cát T, K, H, Q, N6. Giữa năm 2016, theo sự chỉ đạo của T, Q sang Úc tìm nguồn tiêu thụ ma túy. Tgiới thiệu H cho Q. Sau khi có khách đặt 04 bánh heroin. Q báo cho cất giấu ma túy vào pin đèn led để chuyển đi Úc. Trong đó, Hoàng Cát T chỉ đạo, Lê Trần Tuấn K thực hiện công việc gia công, đóng gói; Q được giao nhiệm vụ mua đèn led, mua heroin từ Nguyễn Văn H và trả tiền cho H. Lưu Bá N6 là

người được Q giao việc đi nhận 04 bánh heroin từ H sau đó mang cho K để K gia công, đóng gói. Cơ quan chức năng Úc thu giữ được khoảng 1.4kg heroin cất giấu trong các hộc pin đèn led. Căn cứ vào các tài liệu do AFP cung cấp, căn cứ vào vật chứng là chiếc đèn led thu giữ được tại nơi ở của K và T(Bút lục 1192-1193, 1468), Q nhận dạng được lô hàng bóng đèn led Q mua để cho K đóng gói, cất giấu 04 bánh heroin vào tháng 12/2015 (Bút lục 1153-1159). Lần 2; tháng 4/2017 Q thuê K gia công, đóng gói cất giấu heroin vào đáy thùng loa và hứa trả 50 Ttiền công. Q gọi đặt mua của H 01 bánh heroin và bảo N6 đi nhận. Ngày 22/5/2017 Q đưa cho N6 02 cọc tiền (01 cọc 50.000.0000đ trả nợ cho H, 1 cọc 290.000.000d mua 01 bánh heroin) để đưa và nhận 01 bánh heroin từ H. Nhận heroin từ H trót lọt N6 gọi điện báo Q (Bút lục 1662; báo cáo chi tiết lịch sử thuê bao số điện thoại 0167737733 của Lưu Bá N6 (Bút lục 617). Ngày 23/5/2017, tại quán café Valentino, N và K đang giao nhận l bánh chất bột màu trắng có hình chữ nhật có khối lượng 353,05g heroin thì bị công an bắt quả tang. Đối với hành vi mua bán 3202,455g Pseudoephedrine: Lời khai nhận tội của Q (Bút lục 1060-1065, 1135-1136) và lời khai của N6 (Bút lục 1647-1648, Bút lục 1659-1662): Biên bản đối chất giữa N6 và Q (Bút lục 1681-1682), Q và N6 khai: Q bảo N6 đi nhận 2 thùng thuốc Bostafed và đưa tiền cho N6 đi mua cồn và dụng cụ ...để về điều chế PSE (tiền chất ma túy). N6 thực hiện việc điều chế PSE ở tại sân thượng của căn nhà theo cách thức mà Q hướng dẫn. Sau khi nấu được 3.200,24g PSE N6 đưa cho Q. Q bảo N6 mang cất ở trên lầu 2 của căn nhà. Khám xét khẩn cấp nơi ở của N6 và Q thu giữ được khối lượng PSE đã nêu (Bút lục 47, 1627-1628). Q là người chủ mưu trong việc mua bán 353,05g heroine (số heroine mà K và N6 giao nhận ở quán cà phê Valentino vào ngày 23/5/2017 thì bị bắt quả tang), là người giữ vai trò giúp sức đắc lực cho T trong việc mua bán khoảng 1.4 kg heroine (số heroine cất giấu trong các đèn led bị cơ quan chức năng Úc phát hiện thu giữ). Q cũng là kẻ chủ mưu trong việc điều chế 3.200,24g PSE, tàng trữ đế bán cho người khác. Án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lưu So Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 4 điều 195 BLHS 1999 là có căn cứ, không oan. Do vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo Q là không có căn cứ. Tòa án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lưu So Q tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy” và 20 năm tù về tội “Mua bán chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung là tù chung thân, là chưa tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo, không nghiêm, không có tác dụng đấu tranh tội phạm về ma túy. Bị cáo tham gia vào mua bán vận chuyển trái phép chất ma túy có khối lượng lớn khoảng 1.765,25g heroin và "Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy” với khối lượng 3.202,455g tiền chất PSE. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về loại độc chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội,an ninh quốc gia. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt; có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS

1999: phạm tội nhiều lần. Vì vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt từ chung thân lên hình phạt tử hình đối với bị cáo Lưu So Q.

Đối với kháng cáo xin *giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn H và Lê Trần Tuấn K:* Bị cáo Nguyễn Văn H là đồng phạm giúp sức cho Q cho trong việc mua bán 1.753,05g heroin; bị cáo Lê Trần Tuấn K tham gia mua bán heroin với khối lượng 3.132,4007g. Khi quyết định hình phạt án sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, bị cáo H có ông ngoại là liệt sĩ... Tuy nhiên, các bị cáo tham gia mua bán trái phép ma túy với số lượng lớn và phạm tội nhiều lần; bị cáo H có nhân thân xấu, K tham gia mua bán heroin với số lượng lớn hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ sức khỏe, có khả năng nhận thức, biết rõ việc mình làm là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố tình vi phạm. Án sơ thẩm tuyên xử bị cáo K và Tmức án tù chung thân là thỏa đáng, tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

Đối với chiếc xe Honda SH150.BKS: 59U 1-707.82 thu giữ của Nguyễn Văn H. Qua điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của H. Tuy H không sử dụng xe làm phương tiện phục vụ hành vi phạm tội và không phải tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, cần áp dụng hình phạt bổ sung, tịch thu chiếc xe trên theo khoản 5 Điều 194 BLHS 1999.

Đối với chiếc xe ô tô Kia Morning màu trắng, K mua chiếc xe này của anh Huỳnh Thiện T11 , anh T11 cũng thừa nhận việc đã bán chiếc xe này cho K. K đã sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội. Do vậy, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo T, Q và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin lại tài sản của các bị cáo H, K, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo Hoàng Cát T và Lưu So Q phải chịu hình phạt chung là tử hình.

Người bào chữa cho bị cáo T có luật sư Nguyễn Văn H2, Luật sư Nguyễn Bảo S, Văn phòng Luật sư Bảo S, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến cử luật sư H2 trình bày: Vụ mua bán 04 bánh Heroin có trọng lượng 1.412,2 gram theo Cáo trạng và án sơ thẩm đã kết luận thì vụ án này không bị bắt quả tang, không có vật chứng, căn cứ khởi tố truy tố các bị cáo là từ thông tin của Văn phòng liên lạc cảnh sát liên bang Úc tại Thành phố Hồ Chí Minh, thông báo với Cục cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Việt Nam tại Công văn số 190/2016AFP-HCMC ngày 12.12.2016 với nội dung: "về một gói bưu phẩm quốc tế bị chặn trong có giấu khoảng 1,4kg Heroin được nhập khẩu về Việt Nam" (có kèm theo hình ảnh) và các lời khai của các bị cáo. (Không có hồ sơ vụ án khi Cảnh sát liên bang Úc bắt giữ heroin tại Úc). Qua quá trình điều

tra tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như Đơn kháng cáo bị cáo Hoàng Cát T không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo T không nhận có tham gia mua bán heroin vào tháng 11/2016 như lời khai của bị cáo Lê Trần Tuấn K và bị cáo Lưu So Q đã khai đổ tội cho bị cáo T tại Cơ quan điều tra. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và tại Đơn kháng cáo bị cáo Lưu So Q cho rằng các Điều tra viên dàn xếp cho bị cáo Q khai, chứ không phải bị cáo Q khai như vậy. Bị cáo Q không có hành vi phạm tội và Hoàng Cát T không có tham gia phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết. Như vậy, chỉ có bị cáo Lê Trần Tuấn K khai có bị cáo T tham gia trong vụ mua bán heroin này. Án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê Trần Tuấn K khai T có tham gia mua bán heroin, trong khi Hoàng Cát T không nhận tội, các bị cáo khác không khai cho T, vụ án không có vật chứng, không bị bắt quả tang. Án sơ thẩm quy kết tội cho bị cáo Hoàng Cát T mua bán trái phép chất ma túy là không căn cứ. Trong vụ mua bán 04 bánh heroin có trọng lượng 1.412,2 gram này, Cáo trạng và án sơ thẩm còn quy kết có các đối tượng khác tham gia vụ án như Nguyễn Tâm V3, là người có tên gửi heroin đi Úc, người chở xe ôm tên H, người bán 04 bánh heroin tên X1, và người mua heroin tên X, Cơ quan điều tra cũng không ghi được lời khai và cũng không có bằng chứng gì thể hiện các người này khai Hoàng Cát T có tham gia mua bán 04 bánh heroin vận chuyển sang Úc như Cáo trạng và án sơ thẩm đã quy kết. Tại Đơn kêu oan của bị cáo Hoàng Cát T ngày 21.6.2018 do Trại giam TI7 chuyển đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và tại phiên tòa bị cáo T cho rằng tháng 11/2016 mà bị cáo K khai cho T tham gia chỉ đạo K và Q mua 04 bánh heroin cất giấu vào 14 cây đèn Led để T gửi bưu điện chuyển sang Úc, là vu khống cho bị cáo. Vì trong thời gian này T không có ở Thành phố Hồ Chí Minh, T đi du lịch ở Dubai cùng với vợ của bị cáo và đi nuôi thủy sản ở Tỉnh Đồng Tháp nên T không có tham gia mua bán heroin như Cáo trạng và án sơ thẩm đã quy kết. Về thời gian mua bán 04 bánh heroin để chuyển đi Úc, các bị cáo K, bị cáo N6 khai vào khoảng tháng 11/2016. Nhưng không khai ngày cụ thể, là ngày nào của tháng 11/2016. Trong khi T khai tháng 11/2016, T đi du lịch Dubai cùng với vợ 05 ngày (từ ngày 24 đến ngày 28/11/2016) (Chứng cứ thể hiện là Passport và Hợp đồng du lịch của T và vợ của Tlà chị Nguyễn Thị Thiên N1) (đã xác nhận). Ngoài ra Tkhai tháng 11/2016 T đi Đồng Tháp nuôi cá Basa xuất khẩu cùng với anh Ngô Minh T12, không có mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chứng cứ ngoại phạm này của Hoàng Cát T chưa được Cơ quan điều tra xác minh làm rõ mà án sơ thẩm quy kết tội T tham gia mua bán heroin với các bị cáo khác là oan cho bị cáo Hoàng Cát T. Mặt khác theo lời khai của K: T chỉ đạo K mua 04 bánh heroin, qua điện thoại của T bằng 02 số: 0933558871 và 0933110685. Nhưng T khai T chỉ có sử dụng 01 số điện thoại để liên lạc với mọi người là số 0933558871, T không có số điện thoại 0933110685. Qua hồ sơ điều tra thể hiện, trong thời gian tháng 11.2016 trong các số điện thoại của K cung cấp cho cơ quan điều tra thì không có số điện thoại của T gọi liên lạc với K và Q vào thời gian tháng 11.2016. Hồ sơ điều tra chỉ thể hiện có số điện thoại 0933110685 liên lạc với K vào tháng 5 và tháng 6.2016, số điện thoại này T

không thừa nhận là của T. (Không có số điện thoại 0933558871 liên lạc với K vào tháng 11.2016). Như vậy, qua số điện thoại giao dịch thể hiện tại hồ sơ trên, thì tháng 11.2016 K và Q không có giao dịch với T qua điện thoại của T. Do vậy, K khai T chỉ đạo K mua 04 bánh heroin qua điện thoại vào tháng 11/2016 là không có căn cứ. Về việc khám nhà T có cây Đèn Led: T khai đèn Led có tại nhà T là do con trai của T mua để thắp sáng đám giỗ của mẹ T. Còn đèn Led gửi đi Úc có chứa Heroin, thì đó là đèn Led nào đó T hoàn toàn không biết, không thể quy kết nhà T có đèn Led giống đèn Led chứa Heroin ở Úc để quy kết tội cho Hoàng Cát T có tham gia mua bán Heroin. Quy kết tội cho Hoàng Cát T như vậy là sự suy đoán áp đặt không căn cứ. Cáo trạng và án sơ thẩm quy kết trọng lượng 1.412,2gram heroin là chưa chính xác. Bởi vì, vụ án không bị bắt quả tang, không có vật chứng, kết tội bị cáo là thông qua Thông báo của Văn phòng Cảnh sát liên bang Úc thông báo sự việc bên Úc, và lời khai của một số bị cáo. Cho nên không có vật chứng heroin để giám định. Việc giám định chất ma túy để định tội bị cáo là điều kiện bắt buộc đã được quy định tại Thông tư liên tịch số 08 ngày 14.11.2015 của Bộ Công an - VKSNDTC - TANDTC và Bộ Tư Pháp và Công Văn số 315 ngày 11.12.2015 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về phải giám định khối lượng, hàm lượng chất ma túy đối với những vụ án ma túy mà người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt có mức án từ 20 năm tù chung thân hoặc tử hình. Án sơ thẩm quy kết 01 bánh heroin = 353,05 gram là không phải trên cơ sở giám định trong lượng heroin giấu trong đèn Led bị bắt ở Úc mà án sơ thẩm kết luận giám định 01 bánh heroin = 353.05 gram là lấy giám định trọng lượng heroin của bị cáo K và bị cáo Q mua bán bị bắt ngày 23.5.2017 để quy kết trọng lượng heroin giấu trong đèn Led ở Úc bị Cảnh sát Úc bắt, để buộc bị cáo Hoàng Cát T và các bị cáo khác phải chịu trách nhiệm hình sự đối với trọng lượng 1.412,2 gram heroin là không chính xác. Bị cáo Hoàng Cát T không thừa nhận có hành vi phạm tội này, nên không thể quy kết tội cho bị cáo T tham gia mua bán 1.412,2 gram heroin được. Cho nên trọng lượng Heroin trong vụ án này như án sơ thẩm đã kết luận 1.412,2 gram là không có cơ sở chính xác và Hoàng Cát T là người không tham gia mua bán, nên không chịu trách nhiệm hình sự về số lượng mua túy như án sơ thẩm đã kết luận. Vụ án này truy tố xét xử sơ thẩm đối với Hoàng Cát T về "Tội Mua bán trái phép chất ma túy" là trên cơ sở thông báo của Văn phòng cảnh sát liên bang Úc và lời khai của bị cáo K. Hồ sơ vụ án do Cảnh sát liên bang Úc bắt và lập biên bản đối với vật chứng không được Cơ quan cảnh sát điều tra Việt Nam thu thập. Do vậy Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai của bị cáo K ở tại Việt Nam, trong khi không có hồ sơ vụ án từ Cảnh sát liên bang Úc chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Việt Nam; Nhiều nghi phạm trong vụ án như Cáo trạng và án sơ thẩm đã nêu, Cơ quan điều tra không bắt được và không ghi được lời khai. Vật chứng vụ án không thu hồi được. Việc giám định vật chứng là heroin để kết luận trọng lượng, hàm lượng heroin là không căn cứ, tH chính xác. Chứng cứ ngoại phạm Hoàng Cát T không được điều tra làm rõ, và nhiều chứng cứ khác như số điện thoại, mà Cáo trạng và án sơ thẩm quy kết là

các bị cáo liên lạc với nhau để mua bán heroin không phù hợp với lời khai của các bị cáo. Trong khi T không nhận tội. Án sơ thẩm quy kết Hoàng Cát T phạm "Tội mua bán trái phép chất ma túy" là sự suy đoán không căn cứ, là vi phạm điều 13 BLTTHS 2015, quy định về "Suy đoán vô tội". Hiện nay hoàn cảnh của bị cáo Hoàng Cát T đang gặp khó khăn. T đang bị bệnh ung thư đường mật, thuộc loại bệnh hiểm nghèo (có giấy chứng nhận bệnh viện 30.4). Về tài sản gia đình của bị cáo Hoàng Cát T như: 01 xe ôtô Toyota Venza,1 xe môtô 2 bánh Honda, điện thoại Vertu ...Đây là tài sản của gia đình T, không liên quan đến vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình của bi cáo Hoàng Cát T các tài sản nêu trên. Từ những phân tích trên, luật sư H2 đề nghị Hội đồng xét không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát, chấp nhận đơn kháng cáo của Hoàng Cát T để xét xử minh oan cho bị cáo, xử: Hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Hoàng Cát T không phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đình chỉ vụ án đối với Hoàng Cát T, trả tự do cho bị cáo Hoàng Cát T ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo T không bị tạm giam về một tội phạm khác. Đồng thời tuyên trả tài sản không liên quan đến vụ án cho Hoàng Cát T, gồm: 01 xe ôtô Toyota Venza,01 mô tô 02 bánh hiệu Honda,01 điện thoại Vertu,01 điện thoại Samsung, 04 thẻ Ngân hàng và các giấy tờ và đồ vật khác của Hoàng Cát T theo Biên bản bắt người, tạm giữ đồ vật của Cơ quan điều tra ngày 27.11.2017.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo không có mua bán ma túy, đề nghị minh oan.

Người bào chữa cho Q có luật sư Nguyễn Minh H3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Viện kiểm sát kháng nghị tăng hình phạt là không có căn cứ. Bị cáo Q cho rằng bị oan, tại cấp phúc thẩm bị cáo Q cũng kêu oan. Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ lời khai của Q tại cơ quan điều tra để cho rằng có căn cứ là không đúng. Bị cáo Q cho rằng lời khai của Q tại cơ quan điều tra là do Điều tra viên sắp xếp và khai như vậy. Bị cáo không được trình bày việc bị ép cung cho luật sư. Lời khai của H cho rằng bị cáo Q biết H qua sự giới thiệu của T, sau này H thay đổi lời khai. Bị cáo T bỏ vốn cho Q mua bán, bị cáo Q về Úc liên hệ với X. X cung cấp tiền cho Q 1.200.000.000 đồng và 25.000 đôla Úc. Bị cáo T và Q ăn chia số tiền của X. Lời khai có mâu thuẫn, T đầu tư mua bán ma túy nhưng số tiền này X đưa. Bị cáo Q, T đều cho rằng oan, bị cáo T không mua bán ma túy tại sao thỏa thuận hưởng tiền công nhiều hơn Q, tiền công Q lấy ít hơn. Việc mua bán 1.412 g heroin không có vật chứng, truy tố bị cáo theo Thông báo của Văn phòng Cảnh sát liên bang Úc, không được Cơ quan cảnh sát điều tra Việt Nam thu thập, không có hồ sơ vụ án từ Cảnh sát liên bang Úc chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Việt Nam. Số lượng ma túy 353,05 g bắt quả tang của N6- K, Q không bị bắt quả tang. Q bị truy tố qua lời khai của N6, K, H. Lời khai có mâu thuẫn, luật sư khi dự lấy lời khai Q không biết Q bị ép cung. Việc mua bán tiền chất ma túy cho rằng Q hướng dẫn cho N6 nấu tiền chất ma túy nhưng N6 biết nấu chất ma túy qua bạn bè ở vũ trường, vật dụng thu giữ không có trong phòng Q. Bị cáo Q thuê phòng trọ của N6. Nhà do N6 đi thuê. Việc bị cáo Q có mua bán thuốc Bostafeed, cơ

quan điều tra đã xác minh số lượng thuốc này không bị hạn chế mua bán trên thị trường. Việc điều chế tiền chất ma túy, Q không bị bắt quả tang, tiền chất ma túy không có trong phòng của Q. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Q không phạm tội, trả lại tài sản cho Q.

Bị cáo Q trình bày: Bị cáo không gặp K, không đi uống cà phê, không nhậu với K. Passport của bị cáo thể hiện tháng 4, tháng 6 không có về Úc. Những lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra là do dàn xếp của cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại án sơ thẩm.

Người bào chữa cho H, K có luật sư Nguyễn Trung C trình bày:

Bị cáo H nhận tội, có hành vi mua bán ma túy hai lần. Bị cáo H đã ăn năn hối cải. Về phần tội danh, luật sư không có ý kiến. Về phần dân sự có thu giữ vật chứng là chiếc xe SH150, bị cáo H xin được nhận lại. Ngày 07/10/2015 bị cáo mua xe của Doanh nghiệp tư nhân Đ nhưng không làm hợp đồng mua bán theo quy định mà bà L1 chỉ làm giấy ủy quyền. Sau đó, Doanh nghiệp tư nhân Đ bán xe cho H nhưng cũng chưa làm thủ tục sang tên. Xe mua trong thời gian bị cáo chưa phạm tội. Số tiền mua xe do em bị cáo cho tiền mua xe cho con bị cáo sử dụng, xe con bị cáo trực tiếp sử dụng, bị cáo không dùng xe làm phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho bị cáo, áp dụng hình phạt bổ sung một số tiền cụ thể. Bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, có con nhỏ, ăn năn hối cải, khai ra những lần phạm tội trước đó, lượng heroin chưa phát tán, H chỉ làm môi giới cho Q và X1. Vai trò của bị cáo H hạn chế, không quan trọng trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho bị cáo và giấy chứng nhận xe cho L1 để làm thủ tục sang tên xe, giảm hình phạt cho bị cáo H.

Bị cáo K thành thật khai báo, nhận tội. K đã ba lần phạm tội, không có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh khó khăn, thật thà khai báo, khai báo hành vi phát hiện và chưa bị phát hiện, khai báo thông in giúp cơ quan điều tra phá án. Lượng heroin chưa phát tán, bị cáo phạm tội chưa đạt, tham gia vai trò giúp sức. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K. Việc tịch thu xe của bị cáo K, bị cáo K mua xe tháng 02/2017, chỉ làm hợp đồng ủy quyền chưa chuyển quyền sơ hữu, bị cáo mới trả 200.000.000 đồng, còn thanh toán tiền 190.000.000 đồng. Bị cáo không dùng tiền phạm tội để mua xe, mua xe trong thời kỳ hôn nhân, bị cáo dùng xe để chạy grab, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho K, sử dụng hình phạt tiền với K nếu phải áp dụng hình phạt bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia đối đáp: Chứng cứ Viện kiểm sát đã viện dẫn rõ ràng nêu trên, T tham gia với vai trò chủ mưu. Cơ quan pháp luật xử lý trên cơ sở lời khai của các đồng phạm và các chứng cứ đã có trong hồ sơ. Theo Thông tư liên tịch số 08/2015 thì 1,4 kg heroin không thu được, nhưng trên cơ sở lời khai của các đồng phạm đã đủ cơ sở kết luận việc phạm tội của các bị cáo. Việc áp dụng hình phạt bổ sung là quan điểm giải quyết vụ án, Viện kiểm sát không tranh luận.

Luật sư H2 bào chữa cho T tranh luận: T không nhận tội, căn cứ lời khai của K để buộc tội T là không thỏa đáng. Trọng lượng ma túy 1.412 g theo Thông tư liên tịch số 08/2015 thì có căn cứ mới tính được. Cơ quan điều tra lấy 01 bánh heroin N6- K bị bắt nhưng bên Úc không nói một bánh heroin trọng lượng là bao nhiêu. Hồ sơ ban đầu bên Úc không có chuyển qua Việt Nam. Hàm lượng heroin không chính xác.

Luật sư Hưng bào chữa cho Q tranh luận: Không có thu giữ vật chứng, không có căn cứ để xác định việc phạm tội. Văn bản số 190/2016 AFP-HCMC ngày 12/12/2016 của Văn phòng liên lạc Cảnh sát liên bang Úc (AFP) tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi Bộ Công an có nội dung: *"*AFP xin thông báo với quý Cục về một gói bưu phẩm quốc tế bị ngăn chặn trong đó giấu khoảng 1,4kg heroin được nhập khẩu vào Sydney từ Việt Nam. Gói hàng từ Việt Nam bị phát hiện có chứa 14 đèn led đóng hộp bên trong phát hiện thấy ma túy giấu trong một vỏ pin nhựa màu đen bên trong ngăn chứa pin. Chất bột màu trắng được lấy ra từ trong một túi giấy bạc ở bên trong một vỏ pin nhựa đen và đem thử cho kết quả dương tính với heroin", không có giám định tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam, không có căn cứ xác định trọng lượng. Viện kiểm sát căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2015 truy cứu trách nhiệm hình sự T và Q là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia đối đáp: Việc buộc tội các bị cáo, cơ quan pháp luật không dựa trên văn bản của số 190/2016 AFP-HCMC ngày 12/12/2016 của Văn phòng liên lạc Cảnh sát liên bang Úc (AFP) tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi Bộ Công an mà dựa trên lời khai của các đồng phạm. Một bánh heroin bị bắt có trọng lượng 353,05 g, các bị cáo khai mua bán 04 bánh.

Luật sư C bào chữa cho H và K tranh luận: Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự có thể tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản nhưng chiếc xe của bị cáo H chưa xác lập quyền sở hữu, nguồn tiền mua xe từ những nguồn tiền khác của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia đối đáp: Những người có quyền lợi liên quan đến vụ án xác định xe do họ đứng tên, quyền sở hữu xe đã chuyển giao, họ không liên quan nữa.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Trần Tuấn K khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu trên. Bị cáo Lưu So Q và Hoàng Cát T không thừa nhận hành vi phạm tội.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Trần Tuấn K phù hợp với lời khai những người làm chứng và các tài liệu khác đã có trong hồ sơ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Trần Tuấn K, Lưu So Q

và Hoàng Cát T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] *Về tội danh:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hoàng Cát T, Nguyễn Văn H và Lê Trần Tuấn K tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 ; các bị cáo Lưu So Q và Lưu Bá N6 tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy" theo theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, khoản 4 Điều 195 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội.

Q, H, N6 có hành vi tham gia vào việc mua bán 1.753,05g Heroine (gồm 353,05g heroine mà Q mua của H và nhờ N6 mang giao cho K đóng gói chuyển đi Úc nhưng bị bắt quả tang ở quán cà phê Valentino; 1.400g Heroine mà Q mua của H và nhờ N6 mang giao cho K đóng gói, cất giấu trong 14 đèn led và chuyển sang Úc, khi đến Úc thì bị cơ quan chức năng Úc bắt giữ).

K đã có hành vi tham gia mua bán 3.132,4007g heroine (gồm 1.753,05g heroine như đã vừa nêu và 1.379,3507g heroine mà K đã cất giấu trong 3 thùng carton mang đến Bưu cục P1 chuyển sang Úc nhưng bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ ngày 23/3/2016, K khai làm theo sự chỉ đạo của T nhưng T không thừa nhận).

T có hành vi mua bán 1.400g heroine cùng với Q, H, N6, K (số ma túy được cất giấu trong 14 đèn led bị Cơ quan chức năng Úc thu giữ).

Q và N6 có hành vi mua bán 3.200,24g tiền chất loại PSE.

Trong quá trình điều tra, Lê Trần Tuấn K còn tự khai nhận rằng: Vào khoảng giữa năm 2015, thông qua một người chạy xe ôm, T giao cho K 2 bánh heroine và 35.000.000đ, thuê K đóng gói heroine chuyển đến Úc; vào khoảng tháng 3/2016, T tiếp tục cho người chạy xe ôm giao cho K 4 bánh heroine và 20.000.000đ, thuê K đóng gói chuyển đến Úc. Tuy nhiên, ngoài việc tự khai nhận của K, không còn chứng cứ nào khác nên không có đủ cơ sở để xử lý K và T về hành vi mua bán khối lượng heroine đã nêu.

N10 là người đã giúp Q mua thuốc Bostafed nhưng không biết Q mua thuốc Bostafed để làm gì. Lưu Vĩnh C1 là người giúp Q nhận 7.000 đô la Úc do người của Z giao; C1 không biết là tiền gì và cũng không biết Q điều chế PSE. Do vậy, cơ quan pháp luật không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N10 và C1.

Căn cứ lời khai các bị can Lưu So Q, Lê Trần Tuấn K, Nguyễn Văn H, Lưu Bá N6, tài liệu điều tra và vật chứng thu giữ đủ căn cứ xác định Hoàng Cát T, Lưu So Q, Lê Trần Tuấn K, Nguyễn Văn H, Lưu Bá N6 mua bán trái phép 04 bánh heroine. Căn cứ vào hành vi bị bắt quả tang thu giữ 01 bánh heroine = 353,05 gam ngày 23/5/2017 đối với N6, K cũng có nguồn gốc mua của H, X1

nên 04 bánh heroine này được xác định trọng lượng là 353,05 gam/bánh x 4 bánh = 1.412,2 gam heroine.

Về việc bị cáo Lưu So Q cho rằng bị điều tra viên Bùi Minh H và Nguyễn T13 đánh trong quá trình điều tra nên khai không đúng sự thật: Ngay sau khi bắt giữ Q vào ngày 25/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã cho Q và K đối chất và có sự tham gia của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/5/2017, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã làm văn bản gửi Sở ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị xem xét giải quyết những vấn đề liên quan đến việc bắt giữ người nước ngoài (Bút lục 1025). Đến ngày 07/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận bào chữa cho luật sư Bùi Quang L4 để bào chữa cho bị cáo (Bút lục 1037). Đến ngày 08/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an cấp giấy chứng nhận bào chữa cho luật sư Nguyễn Minh H3 để bào chữa cho bị cáo (Bút lục 1051). Thậm chí, vào ngày 24/5/2017 (thời điểm bị cáo chưa chính thức bị bắt giam), khi tiến hành làm việc với Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, cũng có luật sư của bị cáo tham gia (Bút lục 1060). Như vậy, trong quá trình tiền tố tụng và quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật để đảm bảo tính khách quan và đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo. Tuy nhiên, trong suốt quá trình điều tra, bị cáo không có bất kỳ Khiếu nại liên quan đến việc bị nhục hình. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã lập thủ tục để nhân viên lãnh sự Úc thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự đối với Q. Tuy nhiên, bị cáo cũng không có phản ảnh gì đối với nhân viên lãnh sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng không nhận được bất kỳ thông tin phản ảnh từ cơ quan lãnh sự Úc. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh việc các điều tra viên đánh bị cáo. Vì các lý do đã nêu, không có căn cứ để cho rằng bị cáo bị bức cung, nhục hình. Các lời khai nhận tội của bị cáo Q, đặc biệt là các lời khai có sự tham gia của kiểm sát viên, luật sư bào chữa tham gia được xác định là đảm bảo tính khách quan, được sử dụng làm chứng cứ buộc tội đối với Q và các bị cáo có liên quan.

Căn cứ lời khai nhận tội của K, N6, H và lời khai nhận tội của Q được ghi nhận tại các biên bản hỏi cung bị can có sự tham gia của kiểm sát viên, luật sư bào chữa (Bút lục 1105-1132); căn cứ vào việc cơ quan công an bắt quả tang N và Kđang giao nhận heroine ở quán cà phê Valentino số 142/12 đường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/5/2017; căn cứ Kết luận giám định số 985/KLGĐ-H ngày 19/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 47, 1611), có đủ cơ sở đã xác định: Thông qua sự môi giới của H, Q đã mua của X1 (người chưa rõ lai lịch) 353,05g heroine và thuê K cất giấu ma túy trong loa thùng với mục đích gửi sang Úc để bán; Q nhờ N6 nhận ma túy từ H để mang giao cho K đóng gói; khi N6 vừa giao ma túy cho K thì bị lực lượng công an bắt.

Căn cứ lời khai nhận tội của Q được ghi nhận trong các "Biên bản hỏi cung bị can", có sự tham gia của kiểm sát viên, luật sư bào chữa (Bút lục 1105-1132); căn cứ các tài liệu do AFP cung cấp về việc thu giữ được được 1,4kg heroine cất giấu trong các hộc pin đèn led từ Việt Nam chuyển đến Úc; căn cứ lời khai của K, N6 và H; căn cứ vật chứng là chiếc đèn led thu giữ được tại nơi ở của T; căn cứ vật chứng là 4 chiếc đèn led thu giữ được tại nơi ở của K, có cơ sở để kết luận rằng: Tlà người đã tổ chức, hướng dẫn Q, K mua heroine, cất giấu heroine trong các đèn led chuyển sang Úc để bán, khối lượng heroine được xác định là 1,4kg; ma túy có nguồn gốc do Q mua của X1 thông qua sự môi giới của H; N6 là người giúp Q thực hiện giao dịch với H và mang heroine giao lại cho K; K là người thực hiện việc cất giấu heroine trong các đèn led, đóng gói và chuyển cho người của T; khi heroine chuyển đến Úc thì bị cơ quan chức năng của Úc phát hiện thu giữ.

Căn cứ lời khai nhận của N6, lời khai nhận tội của Q trong quá trình điều tra; căn cứ vật chứng thu giữ được tại nơi ở của Q và N6 là 1 hộp nhựa chứa chất sệt màu vàng; căn Kết luận giám định số 985/KLGĐ-H ngày 19/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục 47, 1611), xác định chất sệt màu vàng trong hộp nhựa vừa nêu là Pseudoephedrine (PSE), có khối lượng là 3200,24g; căn cứ lời khai của Lưu Vĩnh C1 (cháu của Q); căn cứ lời khai của N10 (người mua thuốc Bostafed giúp cho Q), có căn cứ để xác định rằng:Q đã mua 2 thùng thuốc Bostafed của N10 với mục đích sản xuất tiền chất (PSE) bán cho người phụ nữ tên Z (không rõ lai lịch) để sản xuất trái phép chất ma túy; Z đã cho người giao trước cho Q 7.000 đô la Úc; Lưu Vĩnh C1 là người đã giúp Q nhận số tiền vừa nêu.Q đã hướng dẫn cho N6 cách điều chế PSE từ thuốc Bostafed theo sự hướng dẫn của Z; Theo sự hướng dẫn của Q, N6 đã thực hiện việc sản xuất tiền chất PSE ở tại căn nhà 182/12A đường T2, phường P3, quận T3; khối lượng PSE mà N6 đã sản xuất, tàng trữ là 3200,24g; Khi Q chưa kịp bán cho Z khối lượng PSE vừa nêu thì bị Công an khám nhà, bắt quả tang và thu giữ.

[3.2] *Về hình phạt:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia; xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát các hoạt động liên quan đến ma túy. Nhà nước ta đã nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy và tiền chất. Các bị cáo đều có khả năng nhận thức, biết rõ được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

Hành vi của Q, H, N6, K trong việc mua bán 353,05g heroine (bị ngăn chặn, bắt quả tang ở quán cà phê Valentino); hành vi của K đóng gói 1.379,3507g heroine mang đến Bưu cục P1 gửi sang Úc nhưng bị Cơ quan chức năng phát hiện thu giữ; hành vi của Q và N6 điều chế, tàng trữ 3.200,24g tiền chất loại PSE với mục đích bán cho người khác nhưng chưa bán được thì bị bắt. Toàn bộ khối lượng heroine và tiền chất PSE mà các bị cáo bị cáo buộc mua

bán đều đã bị cơ quan chức năng Việt Nam và Úc thu giữ. Các bị cáo H, Q, K và N6 phạm tội. Q là người chủ mưu trong việc mua bán 353,05g heroine (số heroine mà K và N6 giao nhận ở quán cà phê Valentino vào ngày 23/5/2017 thì bị bắt quả tang), là người giữ vai trò giúp sức đắc lực cho T trong việc mua bán 1.400g heroine (số heroine cất giấu trong các đèn led bị cơ quan chức năng Úc phát hiện thu giữ). Q cũng là kẻ chủ mưu trong việc điều chế 3.200,24g PSE, tàng trữ để bán cho người khác.

K tham gia mua bán heroine với khối lượng lớn hơn so với khối lượng heroine mà các bị cáo còn lại tham gia mua bán (mua bán 353,05g heroine bị bắt quả tang ở quán cà phê Valentino và 1.379,3507g heroine giấu trong 3 thùng carton mang đến Bưu cục P1 để gửi thì bị cơ quan chức năng thu giữ.) Trong lần mua bán 353,05g heroine (bị bắt quả tang ở quán cà phê Valentino) và 1,4kg heroine (cất giấu trong các đèn led, bị cơ quan chức năng Úc thu giữ), K tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Trong quá trình điều tra, xét xử, K là người khai báo thành khẩn nhất, không những chỉ khai nhận những hành vi đã bị phát hiện mà còn khai ra cả những hành vi chưa bị phát hiện, thể hiện sự ăn năn, hối cải, tích cực giúp đỡ cơ quan tố tụng điều tra, xử lý tội phạm; lời khai của K là một trong những chứng cứ quan trọng nhất để làm cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với Tvà Q.

H là đồng phạm giúp sức cho Q trong việc mua bán 1.753,05g heroine thông qua hành vi làm môi giới cho Q mua heroine của X1 (353,05g heroine bị bắt quả tang ở quán cà phê Valentino và 1,4kg heroine bị cơ quan chức năng Úc thu giữ). H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có con nhỏ; có ông ngoại là liệt sỹ; tích cực giúp cơ quan điều tra phát hiện, điều tra tội phạm, khai ra Q, Tvà X1.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo. Hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với H và K phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và K, giữ nguyên án sơ thẩm.

Hình phạt áp dụng đối với T, Q chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu đã cấu kết với các bị cáo và các đối tượng trong và ngoài nước để thực hiện hành vi vận chuyển qua Úc để "Mua bán trái phép chất ma túy" với số lượng đặc biệt lớn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo Q từ chung thân lên tử hình.

[3.3] *Về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, tiền do phạm tội mà có, tài sản có liên quan.*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Về việc Nguyễn Văn H xin lại xe: Đối với chiếc xe mô tô hai bánh hiệu Honda (loại xe SH150, biển số 59U1-707.82, số máy mang ký hiệu F08E0114711, số khung mang ký hiệu 8AO7F-180823): Chiếc xe này do bà Cao Thị Khánh L1 là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Bà L1 đã bán xe cho Doanh nghiệp tư nhân Đ nhưng không làm hợp đồng mua bán theo quy định mà bà L1 chỉ làm giấy ủy quyền cho bà Ngô Ngọc T14 (nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Đ). Sau đó, Doanh nghiệp tư nhân Đ bán xe cho H nhưng cũng chưa làm thủ tục sang tên. Như vậy, mặc dù bà Ly đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng chủ sở hữu thực sự là H. Xét tính chất, mức độ vi phạm của H, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng áp dụng hình phạt bổ sung, tịch thu chiếc xe đã nêu là phù hợp.

[3.4] *Về tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Về việc K xin lại xe: Đối với chiếc xe ô tô Kia Morning màu trắng, K mua chiếc xe này của anh Huỳnh Thiện T11 anh T11 cũng thừa nhận việc đã bán chiếc xe này cho K. K đã sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo kháng cáo không đưa ra tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T và Q.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo H, K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 405/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Cát T và bị cáo Lưu So Q. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Cát T và bị cáo Lưu So Q. Sửa án sơ thẩm số 405/2018/HSST ngày 08/11/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Hoàng Cát T và bị cáo Lưu So Q.

1.1 Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo **Hoàng Cát T** tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Phạt bổ sung, tịch thu các tài sản sau đây của bị cáo T:

-1 xe ô tô Toyota Venza màu đen, mang biển số 51A-50930; số máy 1AR0103085, số khung 4T3ZE11A09U011191;

-1 xe mô tô hai bánh hiệu Honda, màu trắng, đen, biển số 59A3–04491, số máy mang ký hiệu RC70E21000035, số khung mang ký hiệu 8AO7F RC821000031;

-1 điện thoại Vertu màu vàng, đen (kèm theo thẻ sim số 0933.558.871);

-1 điện thoại Samsung S6 Edge màu bạc (không thẻ sim);

-Toàn bộ số dư (nếu có) trong các tài khoản thẻ ngân hàng sau: Thẻ ngân hàng VPBank (Master Card) số 5203 9930 1054 0276 mang tên Zng Cat T; thẻ Ngân hàng ACB số 9704 1605 0069 4288 mang tên Zng Cat T; thẻ Ngân hàng ACB số 4221 0920 0144 5958 mang tên Zng Cat T.

1.2 Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 4 Điều 195 ; khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm c khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt bị cáo **Lưu So Q** (tên gọi khác: Lưu Sơ Q) tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

Phạt bổ sung, tịch thu các tài sản sau đây của bị cáo Q:

-270.000.000đ (hai trăm bảy mươi Tđồng);

-1 điện thoại Iphone màu đen xám (kèm theo thẻ sim);

-1 điện thoại Iphone màu đen xám (không có thẻ sim);

-1 điện thoại Nokia màu đen (kèm theo thẻ sim);

-1 điện thoại Nokia màu đen (kèm theo thẻ sim);

-1 Ipad màu trắng màn hình vỡ (kèm theo thẻ sim);

-1 máy tính xách tay hiệu Acer màu đen;

-1 ti vi hiệu SONY, Model KLV32BX35A.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Truy thu, buộc bị cáo Lưu So Q nộp lại 423.217.500đ (bốn trăm hai mươi ba T, hai trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2019), người bị kết án **Hoàng Cát T** và **Lưu So Q** được gửi đơn lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án Tử hình.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trần Tuấn K.

Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sử đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt **Lê Trần Tuấn K** tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2017.

Phạt bổ sung, tịch thu của K chiếc xe ô tô Kia Morning màu trắng, biển số 51F-650.37; số máy mang ký hiệu G4LAFP130110; số khung mang ký hiệu RNYTB51M5GC069245;

3. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H.

Áp dụng điểm theo điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ dung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt **Nguyễn Văn H** tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2017.

Phạt bổ sung, tịch thu tài sản sau đây của bị cáo H: Xe mô tô hai bánh hiệu Honda SH150i, biển số 59U1-707.82, số máy KF08-E0114711-KTGE1, số khung KF08A07F-180823;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Truy thu, buộc bị cáo H phải nộp lại 200.000.000đ (hai trăm Tđồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 405/2018/HSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Trần Tuấn K, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Tiếp tục giam các bị cáo theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu

Đinh Ngọc Thu Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- CA Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Trại tạm giam Chí Hòa (3);
- Trại tạm giam T17 (3);
- Lưu (3) T.20 (án HQ).